

|                                                                                                         |                                                   |                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01              |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 04                  |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025<br>Trang: 1/2 |

|                                                                     |                                |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.       | - Số: 46/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                               | - Mã số mẫu: NS.CT1.161026.01  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Cần Thơ 1.                         |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.           |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 16/10/2026                                 | - Ngày trả kết quả: 30/10/2026 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 7,2     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,02    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,509   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,95    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,49    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | <0,003  |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | HACH Method 8155                             | 1                                    | 0,03    |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |

|                                                                                  |                                        |  |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--|----------------------|
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ |  | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                  | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH      |  | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                  |                                        |  | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                  |                                        |  | Trang: 2/2           |

Ghi chú: - (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;  
 - (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ, mã số mẫu: 03539.26;  
 - Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.  
 - (-) không thực hiện.



**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**

|                                                                                                         |                                                   |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 1/2           |

|                                                                       |                                |
|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.         | - Số: 47/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.   |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                                 | - Mã số mẫu: NS.CT1.161026.02  |
| - Địa điểm lấy mẫu: TYT phường Tân An, 408 đường 30/4 - NMN Cần Thơ 1 |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.             |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 16/10/2026                                   | - Ngày trả kết quả: 30/10/2026 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 6,0     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,10    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,499   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,68    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,51    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | <0,003  |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | HACH Method 8155                             | 1                                    | 0,03    |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |

|                                                                                  |                                                   |                       |
|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------|
|  | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số: BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                  |                                                   | Lần ban hành: 04      |
|                                                                                  | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025   |
|                                                                                  |                                                   | Trang: 2/2            |

- Ghi chú:**
- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
  - (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ, mã số mẫu: 03540.26;
  - Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
  - (-) không thực hiện



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**

|                                                                                  |                                           |                       |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br>CẦN THƠ | Mã số: BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                  |                                           | Lần ban hành: 04      |
|                                                                                  | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH         | Hiệu lực: 21/7/2025   |
|                                                                                  |                                           | Trang: 1/2            |

|                                                                     |                                |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.       | - Số: 48/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                               | - Mã số mẫu: NS.CT1.161026.03  |
| - Địa điểm lấy mẫu: UBND phường Tân An - NMN Cần Thơ 1              |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.           |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 16/10/2026                                 | - Ngày trả kết quả: 30/10/2026 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 6,4     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,10    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,521   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,51    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,51    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | HACH Method 8155                             | 1                                    | 0,03    |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ



(0292) 382 1711 - 381 0188



ctncantho@gmail.com



www.canthowassco.com

|                                                                                                         |                                                   |                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số: BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 04      |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025   |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 2/2            |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ, Mã số mẫu: 03541.26;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) Không thực hiện



**KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TÓNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**



**Phạm Hữu Việt**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.canthowassco.com

|                                                                                                         |                                                   |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 1/2           |

|                                                                     |                                |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.       | - Số: 49/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                               | - Mã số mẫu: NS.CT1.161026.04  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Y Học Cổ Truyền - NMN Cần Thơ 1       |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.           |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 16/10/2026                                 | - Ngày trả kết quả: 30/10/2026 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 6,6     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,12    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,510   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,48    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,53    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | HACH Method 8155                             | 1                                    | 0,03    |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanthon@gmail.com

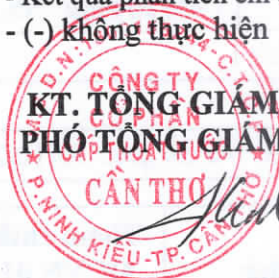
www.canthowassco.com

|                                                                                  |                                                   |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
|  | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                  |                                                   | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                  | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                  |                                                   | Trang: 2/2           |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ, mã số mẫu: 03542.26;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) không thực hiện

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**



**Phạm Hữu Việt**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ



(0292) 382 1711 - 381 0188



ctncanthon@gmail.com



www.canthowassco.com

|                                                                                  |                                           |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br>CẦN THƠ | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                  |                                           | Lần ban hành: 04     |
|                                                                                  | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH         | Hiệu lực: 21/7/2025  |
|                                                                                  |                                           | Trang: 1/2           |

|                                                                         |                                |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.           | - Số: 50/CT1                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.     |                                |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                                   | - Mã số mẫu: NS.CT1.161026.05  |
| - Địa điểm lấy mẫu: CN cấp nước An Bình, phường An Bình - NMN Cần Thơ 1 |                                |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.               |                                |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 16/10/2026                                     | - Ngày trả kết quả: 30/10/2026 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                                                  | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                                              | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 6,7     |
| 2   | pH                                                                  | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,02    |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,443   |
| 4   | Mùi vị                                                              | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                                              | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,35    |
| 6   | Coliforms                                                           | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <1                                   | <1      |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | <1      |
| 8   | Chỉ số Permanganat                                                  | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | 0,58    |
| 9   | Arsenic (As)                                                        | mg/l       | TCVN 6626:2000 (**)                          | 0,01                                 | KPH     |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/l       | HACH Method 8155                             | 1                                    | 0,03    |
| 11  | Sắt tổng (Fe)                                                       | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )                             | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                                                         | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Clorua (Cl <sup>-</sup> )                                           | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 15  | Độ cứng                                                             | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ



(0292) 382 1711 - 381 0188



ctncancho@gmail.com



www.canthowassco.com

|                                                                                  |                                        |  |                       |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--|-----------------------|
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ |  | Mã số: BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                  | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH      |  | Lần ban hành: 04      |
|                                                                                  |                                        |  | Hiệu lực: 21/7/2025   |
|                                                                                  |                                        |  | Trang: 2/2            |

- Ghi chú:**
- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
  - (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ, mã số mẫu: 03543.26;
  - Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
  - (-) không thực hiện



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.canthowassco.com